

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2018/DS-PT**

Ngày: 30-3-2018

V/v: “Kiện đòi tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản; tranh chấp tiền công lao động”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Luyến.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ.
Bà Võ Thị Thanh Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông La Minh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản; tranh chấp tiền công lao động*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21A/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Phú H**, sinh năm: 1957.
Địa chỉ: Đường A, Phường B, Thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Ngô Văn D**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Đường D, xã E, huyện F, tỉnh Đồng Nai (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 3 năm 2018).

- Bị đơn:

- Ông **Đào Ngọc T**, sinh năm: 1957.
 - Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1963.
- Cùng địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Đào Phượng U**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ thường trú: Ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Khu phố J, phường K, Thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú
(Ông D, ông H, ông T, bà P và bà U có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Phú H trình bày:

Ông đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 172, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35) với diện tích 19.238m². Trên đất có 01 căn nhà tạm và cây trồng tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai.

Thông qua một người bạn tên Nguyễn Ngọc H thì ông có quen biết với bà Nguyễn Thị P và ông Đào Ngọc T. Vào khoảng tháng 5/2005, vợ chồng ông T, bà P lên ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai để cùng canh tác làm ăn trên phần đất của ông. Toàn bộ số vốn ban đầu (như làm nhà ở, mua cây giống do ông bỏ ra). Ông T, bà P chỉ bỏ công chăm sóc và hưởng lợi, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau mà không lập thành văn bản.

Tháng 6/2005, giữa ông và vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Q (người trông coi vườn điều cũ) xảy ra tranh chấp với nhau nên lúc này ông đã không cho ông T, bà P chăm sóc, ăn chia trên vườn điều của ông nữa và đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà P trả lại đất nhưng ông T, bà P không đồng ý trả vườn, ở luôn cho đến nay. Đồng thời, vào ngày 12/01/2011, ông T, bà P có cưa 19 cây điều cao to với độ tuổi đang thu hoạch. Ông có ra báo Công an ấp vào xem xét, giải quyết, Công an ấp có vào tại vườn điều để lập biên bản với sự có mặt của bà P, ông T và bà Lâm Thị H (bà H là chủ đất cũ) chứng kiến sự việc. Phía ông T, bà P mặc dù chứng kiến sự việc nhưng không đồng ý ký vào biên bản.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P phải trả lại cho ông toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35) với diện tích 19.238m², tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền trên đất.

Ngoài ra, ông yêu cầu ông T, bà P bồi thường thiệt hại do 19 cây điều bị chặt phá với số tiền 8.930.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu ông phải thanh toán tiền làm công từ năm 2005 đến nay là 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu

đồng) và chi phí đi lại giải quyết tranh chấp, thuê luật sư với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), tổng cộng là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) thì ông không đồng ý.

Đối với giá trị đất và tài sản trên đất mà Công ty cổ phần Thẩm định giá Thuận Việt và Công ty Thẩm định giá Đồng Nai đã thẩm định giá thì ông nhất trí và không yêu cầu thẩm định giá lại.

Theo đơn phản tố, các bản tự khai và lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Đào Ngọc T trình bày:

Vào ngày 03/5/2005, ông Trần Phú H có đến nhà thuê bà và chồng bà là ông Đào Ngọc T đi giữ rẫy tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, hai bên không lập hợp đồng mà chỉ nói miệng với nhau. Toàn bộ số vốn đầu tư do ông H bỏ ra bao gồm: Cây giống, phân bón, 03 con ngỗng, 01 bầy gà con (11 con), ông H còn cất 01 căn nhà tạm (nhà xây, không tô, diện tích 3x5m). Theo thỏa thuận miệng, năm đầu tiên ông H chỉ cấp tiền ăn mỗi tháng 600.000 đồng, đến năm thứ hai nếu chăm sóc được thì bắt đầu sẽ tính tiền công cho phù hợp. Tuy nhiên, đến cuối năm 2005, ông H ngưng không cấp tiền nữa.

Vào năm 2006, ông H phát sinh tranh chấp đất đai với ông S, bà Q và đến năm 2009, ông H thắng kiện. Suốt một thời gian dài từ cuối năm 2005 cho đến năm 2009, ông H không đưa cho vợ chồng bà một đồng thù lao nào. Trong thời gian này, vợ chồng bà không thu hoạch được gì do đang có tranh chấp nhưng vợ chồng bà vẫn ở đó để trông đất cho ông H. Bà xác định không có sự việc như ông H khai là lúc tranh chấp với vợ chồng ông S, bà Q thì ông H kêu vợ chồng bà rời khỏi đất.

Khoảng tháng 6/2011, vợ chồng bà có cưa khoảng trên dưới 20 cây điều với mục đích dọn vườn, chăm sóc vườn chứ không chặt phá cây. Tuy nhiên, ông H cho rằng vợ chồng bà phá hoại cây điều nên gọi Công an ấp xuống làm việc. Công an ấp xuống làm việc có mặt của ông H, vợ chồng bà và bà Lâm Thị H (là chủ đất cũ). Sau khi xem xét hiện trạng, ông Nguyễn Văn H – Công an ấp có lập biên bản ghi nhận vợ chồng bà đang dọn vườn chứ không phải chặt phá, vợ chồng bà có ký vào biên bản và bà cũng ghi rõ trong biên bản là: “Tôi dọn vườn chứ không chặt phá”. Công an ấp cũng nói: “Nếu đến chiều cả hai thống nhất không khiếu nại ra UBND xã thì biên bản lập này tôi sẽ bỏ đi”. Người lập biên bản là ông Nguyễn Văn H - Công an viên phụ trách ấp G. Tối hôm đó, bà H đại diện cho ông H có mời vợ chồng bà sang nhà để hòa giải, ông H có nói: “Nếu như bây giờ hứa không chặt cây nữa và nếu có trồng thêm cây gì thì không được yêu cầu ông bồi thường sau này” và có sự chứng kiến của bà H.

Vào tháng 6/2012, ông H có dẫn Luật sư Trần Gia M cùng với ông Nguyễn Ngọc H (là người giới thiệu cho vợ chồng bà và ông Trần Phú H biết nhau vào năm 2005), ông S (không rõ làm gì, ở đâu) đến và ông M có đề cập là: “Ý của chị P, anh T là muốn bao nhiêu thì mới trả lại đất cho ông H”. Lúc này, vợ chồng bà nói là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) nếu đưa ngay một lần.

Các bên đều nghe rõ sự việc trên. Ông M kêu cho thời hạn 02 tuần để ông H về suy nghĩ. Qua 02 tuần, vợ chồng bà không thấy tin tức gì. Đến 05 tháng sau, vợ chồng bà có điện thoại cho ông M hỏi thì ông M có nói: “Vậy có thay đổi ý kiến không, trả từ từ được không?” Thì bà nói: “Vậy ông H phải về đây lập giấy tờ, xác nhận của chính quyền địa phương mới được”. Từ đó cho đến nay không có tin tức gì nữa.

Tính từ cuối năm 2005 cho đến nay, ông H vẫn chưa thanh toán cho vợ chồng bà một khoản thù lao nào, mặc dù vợ chồng bà hàng năm vẫn chăm sóc và thu hoa lợi trên vườn điều của ông H.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải trả lại toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35) với diện tích 19.238m² tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền trên đất thì bà đồng ý trả.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 19 cây điều bị chặt phá với số tiền là 8.930.000 đồng thì bà không đồng ý bồi thường.

Đối với giá trị đất và tài sản trên đất mà Công ty cổ phần Thẩm định giá Thuận Việt và Công ty Thẩm định giá Đồng Nai đã định giá thì bà không có ý kiến gì và không yêu cầu thẩm định giá lại.

Ngày 06/6/2015, ông T và bà P có đơn phản tố yêu cầu ông Trần Phú H phải thanh toán cho vợ chồng bà tiền làm công, chăm sóc vườn điều từ năm 2005 đến nay là 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) và chi phí đi lại giải quyết tranh chấp, thuê luật sư với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), tổng cộng là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Phượng U trình bày:

Chị là con của ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P. Vào tháng 5/2005, chị cùng bố mẹ chị xuống diện tích đất của ông Trần Phú H tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai để sinh sống. Tuy nhiên, chị chỉ phụ công việc bếp núc cho bố mẹ, còn việc thỏa thuận giữa bố mẹ chị và ông H cụ thể như thế nào thì chị không rõ. Đến tháng 3/2006, chị lên Biên Hòa làm công nhân và sinh sống ở Biên Hòa cho đến nay.

Nay, ông Trần Phú H khởi kiện yêu cầu bố mẹ chị phải trả lại toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35) đứng tên Trần Phú H với diện tích 19.238m² tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền trên đất thì chị cho rằng không liên quan gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị nên chị không có ý kiến, yêu cầu hay tranh chấp gì.

Tại Bản án sơ thẩm số 07/2017/DS - ST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã căn cứ:

- Các điều 26, 35, 68, 70, 72, 75, 77, 85, 91, 92, 147, 157, 158, 165, 168, 184, 238 và 264 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 1 Điều 174, Các điều 256, 260, 608 Bộ luật Dân sự 2005;
- Điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;
- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của UBTVQH số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 và Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phú H.

- Buộc ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P phải giao trả cho ông Trần Phú H quyền sử dụng đất với diện tích 19.238m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35) tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền trên đất bao gồm: 01 căn nhà tạm với kết cấu móng cột gạch, tường dày 100mm, không tô, nền xi măng; 01 giếng đào đường kính 1m, sâu 3,4m; 01 bể nước đường kính 0,9m, cao 2m; 19 gốc điều; 100 cây điều khoảng 20 năm tuổi, đường kính gốc 30 – 50cm, cao trên 4m, đang phát triển bình thường; 50 cây điều cao sản; 10 cây xoài đường kính gốc 15 – 20cm, cao trên 2m; 03 cây xoài đường kính gốc hơn 50cm, cao trên 5m; 01 cây xoài cát Hòa Lộc đường kính gốc khoảng 15cm, cao trên 3m; 02 cây nhãn đường kính gốc 15 – 20cm, cao trên 3m.

Ông Đào Ngọc T, bà Nguyễn Thị P được quyền lưu trú trên diện tích đất 19.238m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35) tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai, đứng tên chủ sử dụng là ông Trần Phú H trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn 03 (ba) tháng, ông T, bà P có trách nhiệm trả lại toàn bộ tài sản bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên cho ông Trần Phú H. Trong thời gian lưu trú, ông T, bà P phải có trách nhiệm quản lý, trông coi toàn bộ số tài sản nêu trên.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phú H về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại 19 cây điều với số tiền 8.930.000đ (Tám triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu ông Trần Phú H thanh toán tiền làm công từ năm 2005 cho đến nay là 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng), chi phí đi lại giải quyết vụ án, thuê luật sư là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), tổng cộng là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng:

- Ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P phải chịu 9.088.000đ (Chín triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản.

Ông Trần Phú H phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chi phí thẩm định giá tài sản là 19 cây điều.

Ông H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản là: 12.088.000đ (Mười hai triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng). Buộc ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P phải thanh toán lại cho ông Trần Phú H số tiền 9.088.000đ (Chín triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng).

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho ông Trần Phú H số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) ông H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 002359 ngày 28/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Ông Trần Phú H phải chịu 446.500đ (Bốn trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm đồng) án phí DSST có giá ngạch. Số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) ông H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 002360 ngày 28/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Trả lại cho ông H số tiền 803.500đ (Tám trăm lẻ ba ngàn năm trăm đồng).

Ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí DSST không có giá ngạch và 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) án phí DSST có giá ngạch. Tổng cộng là 22.200.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng). Số tiền 5.625.000đ (Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) ông T, bà P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 002398 ngày 09/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Ông T, bà P phải nộp thêm số tiền 16.575.000đ (Mười sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Ngày 12/9/2017, ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Ngày 11/9/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú kháng nghị bản án sơ thẩm về phần bác yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu thanh toán tiền công với nội dung:

Mặc dù, quyền sử dụng đất với diện tích 19.238 m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ 22 (nay thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35) tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền trên đất là của ông Trần Phú H. Nhưng từ tháng 5/2005 đến nay, vợ chồng ông Đào Ngọc T, bà Nguyễn Thị P cũng có công sức đóng góp trong việc bảo quản, gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị

tài sản, trực tiếp quản lý, sử dụng và sinh sống ổn định. Mặt khác, vợ chồng ông Đào Ngọc T, bà Nguyễn Thị P không còn nơi cư trú nào khác. Do đó, cần thiết phải xem xét, công sức giữ gìn, quá trình quản lý trực canh trên đất để bị đơn có nơi ở ổn định mới thấu tình, đạt lý.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, của các đương sự là đúng với các quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

- Đối với kháng cáo của ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P:

Ông T và bà P cho rằng giữa ông bà và ông Trần Phú H có thỏa thuận bằng miệng việc từ tháng 5/2005 ông H có nghĩa vụ cung cấp tiền ăn mỗi tháng 600.000 đồng. Đến năm thứ 2, nếu chăm sóc được thì bắt đầu tính tiền công phù hợp. Tuy nhiên, ông H không đồng ý và cho rằng đó là việc cả hai cùng thương lượng làm ăn chung trên vườn điều dựa vào lợi nhuận của mùa vụ đầu tiên đã thu hoạch. Vợ chồng ông T, bà P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình về việc ông bà làm công cho ông H (Bút lục 49; 118-121). Do đó, không đủ cơ sở để buộc ông H có trách nhiệm thanh toán tiền công cho ông T và bà P.

- Đối với Quyết định kháng nghị số 299/2017/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm số 07/2017/DSST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú:

Việc vợ chồng ông T, bà P đến sinh sống và canh tác trên đất của ông Trần Phú H tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai từ tháng 5/2005 đến nay là có thật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông H cho rằng vợ chồng bà P, ông T sống trên đất nhưng không quản lý gì tài sản của ông để người khác lấn chiếm đất, chặt phá tài sản, thu hoạch hoa lợi của ông hàng năm đã gây nhiều thiệt hại cho ông; phía bị đơn khai trong thời gian sinh sống trên đất, có trồng được 20 cây tràm khoảng trên 4 năm tuổi nhưng giá trị không lớn, không yêu cầu thẩm định, định giá lại. Do ông H bỏ mặc nên vợ chồng bà phải thu hoạch hoa lợi trên đất, tính bình quân 11.000.000đ/năm và đi làm thêm kiếm sống. Như vậy, không có căn cứ để tính công sức đóng góp, giữ gìn làm tăng giá trị tài sản theo yêu cầu của bị đơn. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã vận động phía ông H và kiên trì hòa giải nhưng ông H không đồng ý. Hơn nữa, tại Tòa cấp sơ thẩm, phía bị đơn phản tố yêu cầu ông H trả tiền công lao động, không yêu cầu xem xét công sức đóng góp, bảo quản, giữ gìn tài sản nên kháng cáo của ông T, bà P không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa rút Quyết định kháng nghị nêu trên của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc

thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 299/2017/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/9/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Đào Ngọc T, bà Nguyễn Thị P và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú trong hạn luật định nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông Trần Phú H khởi kiện yêu cầu ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P giao trả quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35) với diện tích 19.238m² tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Ngày 09/6/2015, ông Đào Ngọc T, bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu ông H phải thanh toán cho vợ chồng bà tiền làm công, chăm sóc vườn điều từ năm 2005 đến nay với số tiền là 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) và chi phí đi lại, thuê luật sư giải quyết tranh chấp với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), tổng cộng là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 256, 260, 608 Bộ luật dân sự năm 2005 xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là: “Kiện đòi tài sản; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và tranh chấp tiền công lao động” là có căn cứ.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng:

Ông Trần Phú H khởi kiện yêu cầu đòi tài sản là quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản đối với ông Đào Ngọc T, bà Nguyễn Thị P. Bà Đào Phượng U sinh sống trên diện tích đất tranh chấp từ năm 2005 đến tháng 3/2006. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định ông H là nguyên đơn, ông T, bà P là bị đơn và căn cứ vào khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị Đào Phượng U là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường thiệt hại 19 cây điều có ông Nguyễn Văn H chứng kiến, việc thỏa thuận trông coi rẫy có sự chứng kiến của ông Nguyễn Ngọc H. Vì vậy, căn cứ vào Điều 77 Bộ luật Tố tụng dân sự

xác định ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Ngọc H là người làm chứng trong vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung tranh chấp:

- Về yêu cầu kiện đòi tài sản của nguyên đơn: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35) với diện tích 19.238m² tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân huyện I cấp cho ông Trần Phú H; trên đất có 01 căn nhà tạm cấp 4 và các loại cây là tài sản của ông Trần Phú H. Ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P cũng thừa nhận những tài sản trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời căn cứ Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005 để buộc ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P phải trả lại ông Trần Phú H quyền sử dụng đất với diện tích 19.238m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35) tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền trên đất theo Biên bản xem xét, thẩm định ngày 16/7/2015 (tài sản trên đất theo biên bản bao gồm: 01 căn nhà tạm với kết cấu móng cột gạch, tường dày 100mm, không tô, nền xi măng; 01 giếng đào đường kính 1m, sâu 3,4m; 01 bể nước đường kính 0,9m, cao 2m; 19 gốc điều; 100 cây điều khoảng 20 năm tuổi, đường kính gốc 30 – 50cm, cao trên 4m, đang phát triển bình thường; 50 cây điều cao sản; 10 cây xoài đường kính gốc 15 – 20cm, cao trên 2m; 03 cây xoài đường kính gốc hơn 50cm, cao trên 5m; 01 cây xoài cát Hòa Lộc đường kính gốc khoảng 15cm, cao trên 3m; 02 cây nhãn đường kính gốc 15 – 20cm, cao trên 3m) là có căn cứ.

Hiện nay, ông T, bà P đang sinh sống trên đất và chưa có nơi cư trú nào khác. Vì vậy, nhằm tạo điều kiện cho ông T, bà P ổn định cuộc sống thì Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận cho ông T, bà P được quyền lưu trú trên diện tích đất 19.238m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35) tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn 03 tháng, ông T, bà P có trách nhiệm trả lại toàn bộ tài sản bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên cho ông Trần Phú H, trong thời gian lưu trú vợ chồng ông T, bà P phải có trách nhiệm giữ gìn toàn bộ tài sản trên là phù hợp và có căn cứ.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại là 19 cây điều của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cho rằng ông T, bà P có hành vi chặt phá 19 cây điều thuộc sở hữu của ông nên yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 50.000.000 đồng. Ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền là 8.930.000 đồng theo kết quả thẩm định giá của Công ty Thẩm định giá Đồng Nai. Ông T và bà P thừa nhận có cửa khoảng 19 cây điều nhưng với mục đích dọn vườn, chăm sóc vườn chứ không có hành vi phá hoại cây điều nên ông bà không đồng ý với yêu cầu bồi thường của ông

H. Căn cứ tài liệu, chứng cứ cùng với lời khai của ông Nguyễn Văn H tại Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện: Vào năm 2011, có sự việc ông T, bà P chặt 19 cây điều, ông H đã đến nhờ ông (thời điểm đó ông Nguyễn Văn H là công an phụ trách ấp) xuống diện tích đất để giải quyết. Qua kiểm tra hiện trạng, những cây điều mà ông T, bà P chặt là những cây điều có các tán cây bị khô héo, gốc cây bị xịt mủ, do đó để giữ những cây điều còn lại và đảm bảo an toàn cho người qua lại thì việc chặt những cây điều trên của ông T, bà P là để dọn rẫy chứ không phải là chặt phá điều. Ngoài ra, ông H cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc ông T, bà P có hành vi phá hoại 19 cây điều. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường của nguyên đơn là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Ông T và bà P yêu cầu buộc ông H phải thanh toán tiền làm công từ năm 2005 cho đến nay là 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) và chi phí đi lại giải quyết tranh chấp, thuê luật sư là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), tổng cộng là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Tại phiên toà phúc thẩm, ông T và bà P thay đổi nội dung yêu cầu ông H hỗ trợ số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Xét yêu cầu của ông T và bà P thấy:

Ông T, bà P cho rằng giữa ông bà và ông H có thỏa thuận bắt đầu từ tháng 5/2005 ông H có nghĩa vụ cấp tiền ăn mỗi tháng 600.000 đồng, đến năm thứ 02 nếu chăm sóc được thì bắt đầu tính tiền công cho phù hợp. Tuy nhiên, ông H xác định hai bên thỏa thuận ông T, bà P chỉ bỏ công chăm sóc và hưởng hoa lợi, lợi tức phát sinh nên không đồng ý với yêu cầu trên. Đồng thời, ông T và bà P cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Mặt khác, qua lời khai của ông Nguyễn Ngọc H là người chứng kiến việc thỏa thuận của ông H và ông T, bà P xác nhận hai bên không có thỏa thuận hay lập hợp đồng làm công gì, mà hai bên chỉ thỏa thuận việc ông H sẽ bỏ chi phí ra xây nhà ở tạm, mua cây trồng, phân bón, con giống và lo toàn bộ chi phí ăn uống cho vợ chồng ông T, còn vợ chồng ông T sẽ được hưởng trọn hoa lợi từ vườn điều vào vụ mùa đầu tiên. Đến năm thứ hai, hai bên sẽ ngồi lại để thương lượng việc làm ăn chung trên vườn điều này dựa trên cơ sở lợi nhuận của vụ mùa đầu tiên đã thu hoạch. Còn việc giữa hai bên có thỏa thuận việc ông H lo toàn bộ chi phí nêu trên đến thời điểm nào kết thúc thì ông không biết. Do đó, không đủ cơ sở để buộc ông H phải có trách nhiệm thanh toán tiền công cho ông T, bà P. Bên cạnh đó, từ năm 2006 cho đến nay, vợ chồng ông T, bà P là người trực tiếp canh tác trên đất và thu hoạch hoa lợi, lợi tức trên vườn điều của ông H. Số tiền thu được từ hoa lợi, lợi tức trên đất thì ông T, bà P sử dụng cho việc tiêu dùng cá nhân của gia đình mà không giao lại cho ông H.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú kháng nghị cho rằng từ tháng 5/2005 đến nay vợ chồng ông Đào Ngọc T, bà Nguyễn Thị P cũng có công sức đóng góp trong việc bảo quản, gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản,

trực tiếp quản lý, sử dụng và sinh sống ổn định. Vợ chồng ông Đào Ngọc T, bà Nguyễn Thị P không còn nơi cư trú nào khác. Do đó, cần xem xét công sức giữ gìn, quá trình quản lý trực canh trên đất để bị đơn có nơi ở ổn định mới thấu tình, đạt lý là không có căn cứ như nhận định đã nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa đã rút Quyết định kháng nghị nêu trên.

+ Về yêu cầu thanh toán chi phí đi lại, thuê luật sư với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng):

Ông T, bà P phải bỏ chi phí để đến Tòa án làm việc xuất phát từ việc vợ chồng ông bà không chấp nhận giao trả quyền sử dụng đất cho nguyên đơn mà ông bà đang chiếm giữ. Chi phí thuê Luật sư không phải là chi phí hợp lý bắt buộc mà người thua kiện phải trả cho người thắng kiện theo khoản 3 Điều 168 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do yêu cầu khởi kiện về việc kiện đòi tài sản của nguyên đơn được chấp nhận nên không có cơ sở xem xét về yêu cầu thanh toán chi phí đi lại, thuê luật sư của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trên của ông T, bà P là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T, bà P là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và chấp nhận việc rút kháng nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với Quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông H đã nộp tổng cộng 12.088.000đ (Mười hai triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng) chi phí tố tụng, gồm:

+ Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 9.088.000đ (Chín triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng).

+ Chi phí thẩm định giá 19 cây điều là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Do yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông H được chấp nhận nên ông T, bà P phải chịu chi phí tố tụng là 9.088.000đ (Chín triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng).

Do yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bồi thường thiệt hại 19 cây điều của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu chi phí tố tụng là: 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T, bà P phải có trách nhiệm thanh toán lại cho ông H chi phí tố tụng là 9.088.000đ (Chín triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng) là có căn cứ.

[6] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông H được chấp nhận nên ông T, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng). Trả lại cho ông H số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) ông H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 002359 ngày 28/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 19 cây điều không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: $8.930.000đ \times 5\% = 446.500đ$ (Bốn trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm đồng). Số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) ông H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 002360 ngày 28/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Trả lại cho ông H số tiền 803.500đ (Tám trăm lẻ ba ngàn năm trăm đồng).

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu thanh toán tiền công là 420.000.000đ đồng, chi phí đi lại và thuê luật sư là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 450.000.000 đồng không được chấp nhận nên ông T, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: $20.000.000đ + (4\% \times 50.000.000đ) = 22.000.000đ$ (Hai mươi hai triệu đồng).

Tổng cộng, ông T, bà P phải chịu 22.200.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 5.625.000đ (Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) ông T, bà P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 002398 ngày 09/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Ông T, bà P phải nộp thêm số tiền 16.575.000đ (Mười sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông T và bà P không được chấp nhận nên ông T và bà P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Về quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Đồng Nai: Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 299/2017/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/9/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú.

Áp dụng:

- Các điều 26, 91, 92, 147, 157, 158, 165, 168, 184 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm a, khoản 1 Điều 174, và các điều 256, 260, 608 Bộ luật Dân sự 2005;
- Điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;
- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của UBTVQH số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 và Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phú H.

- Buộc ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P phải giao trả cho ông Trần Phú H quyền sử dụng đất với diện tích 19.238m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Trần Phú H và tài sản gắn liền trên đất bao gồm: 01 căn nhà tạm với kết cấu móng cột gạch, tường dày 100mm, không tô, nền xi măng; 01 giếng đào đường kính 1m, sâu 3,4m; 01 bể nước đường kính 0,9m, cao 2m; 19 gốc điều; 100 cây điều khoảng 20 năm tuổi, đường kính gốc 30 – 50cm, cao trên 4m, đang phát triển bình thường; 50 cây điều cao sản; 10 cây xoài đường kính gốc 15 – 20cm, cao trên 2m; 03 cây xoài đường kính gốc hơn 50cm, cao trên 5m; 01 cây xoài cát Hòa Lộc đường kính gốc khoảng 15cm, cao trên 3m; 02 cây nhãn đường kính gốc 15 – 20cm, cao trên 3m.

Ông Đào Ngọc T, bà Nguyễn Thị P được quyền lưu trú trên diện tích đất 19.238m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35) tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai, đứng tên chủ sử dụng là ông Trần Phú H trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn 03 (ba) tháng, ông T, bà P có trách nhiệm trả lại toàn bộ tài sản bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên cho ông Trần Phú H. Trong thời gian lưu trú, ông T, bà P phải có trách nhiệm quản lý, trông coi toàn bộ số tài sản nêu trên.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phú H về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại 19 cây điều với số tiền 8.930.000đ (Tám triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu ông Trần Phú H thanh toán tiền làm công từ năm 2005 cho đến nay là 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng), chi phí đi lại giải quyết vụ án, thuê luật sư là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), tổng cộng là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng:

- Ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P phải chịu 9.088.000đ (Chín triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản.

Ông Trần Phú H phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chi phí thẩm định giá tài sản là 19 cây điều.

Ông H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản là: 12.088.000đ (Mười hai triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng). Buộc ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P phải thanh toán lại cho ông Trần Phú H số tiền 9.088.000đ (Chín triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng).

4. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho ông Trần Phú H số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) ông H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 002359 ngày 28/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Ông Trần Phú H phải chịu 446.500đ (Bốn trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) ông H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 002360 ngày 28/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Trả lại cho ông H số tiền 803.500đ (Tám trăm lẻ ba ngàn năm trăm đồng).

Ông Đào Ngọc T và bà Nguyễn Thị P phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng là 22.200.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng). Số tiền 5.625.000đ (Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) ông T, bà P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 002398 ngày 09/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Ông T, bà P phải nộp thêm số tiền 16.575.000đ (Mười sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T, bà P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, số tiền án phí phúc thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu 007448 ngày 12/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hồng Luyện